BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 150/2016/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2016*

UBND T BẮC GIANG
Số: 18582
Ngày: 27/10/16

THÔNG TƯ

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân hàng nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt; Nghị định số 80/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.

Điều 2. Đối tượng nộp lệ phí

Tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng phải nộp lệ phí theo hướng dẫn tại Thông tư này.

Điều 3. Tổ chức thu lệ phí

Ngân hàng nhà nước Việt Nam có nhiệm vụ tổ chức thu, kê khai, nộp lệ phí theo hướng dẫn tại Thông tư này.

Điều 4. Mức thu lệ phí

1. Mức thu lệ phí

STT	Tên lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
1	Lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng		
a	Lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng		
	Cấp lần đầu	01 giấy phép	140.000.000
	Cấp đổi, bổ sung, gia hạn	01 giấy phép	70.000.000
b	Lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng		
	Cấp lần đầu	01 giấy phép	70.000.000
	Cấp đổi, bổ sung, gia hạn	01 giấy phép	35.000.000
c	Lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô và quỹ tín dụng nhân dân		
	Cấp lần đầu	01 giấy phép	200.000
	Cấp đổi, bổ sung, gia hạn	01 giấy phép	100.000

2	Lệ phí cấp giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng	01 giấy phép	1.000.000
3	Lệ phí cấp giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng		
	Cấp lần đầu	01 giấy phép	10.000.000
	Cấp lại	01 giấy phép	5.000.000

2. Các khoản lệ phí cấp giấy phép quy định tại khoản 1 Điều này thu bằng Đồng Việt Nam (VNĐ).

Điều 4. Kê khai, nộp lệ phí

1. Tổ chức thu lệ phí thực hiện kê khai lệ phí thu được theo tháng, quyết toán lệ phí theo năm theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

2. Tổ chức thu lệ phí nộp toàn bộ số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017; thay thế các quy định về thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí trong lĩnh vực ngân hàng tại Thông tư số 110/2002/TT-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán và bảo hiểm và Thông tư số 11/2006/TT-BTC ngày 21 tháng 2 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 110/2002/TT-BTC; Thông tư số 77/2015/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

2. Các nội dung khác liên quan đến việc kê khai, thu, nộp lệ phí không hướng dẫn tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại Luật phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ

Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về in, phát hành, quản lý và sử dụng chứng từ thu phí, lệ phí và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

3. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp lệ phí và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, hướng dẫn./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công báo;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Uỷ ban nhân dân, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu VT, CST (CST 5). (315)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai

UBND TỈNH BẮC GIANG
VĂN PHÒNG

Số: 569 /SY

SAO Y BẢN CHÍNH

Bắc Giang, ngày 28 tháng 10 năm 2016

Nơi nhận:
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, TKCT, các phòng;
- Lưu: VT, KT$_{Tú}$.

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG

Trần Quốc Khánh

UBND HUYỆN TÂN YÊN **VĂN PHÒNG**	**SAO LỤC**
Số: 204.../SL-VP	*Tân Yên, ngày 09. tháng 11 năm 2016*

Nơi nhận:
- Lưu: VT.

Bản điện tử:
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVKT-NN.

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Văn Luận